

Số: 357c /BC-KT

Bình Dương, ngày 01 tháng 07 năm 2022

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG QUÝ II/2022**

Kính gửi: Tổng Giám đốc Công ty.

*Căn cứ Kế hoạch kiểm tra giám sát tiến độ thực hiện các hoạt động trong phương án quản lý rừng bền vững của Công ty;*

*Căn cứ tình hình thực tế các hoạt động sản xuất cây cao su trong quý II/2022.*

Ban Chỉ đạo thực hiện Chứng chỉ rừng, báo cáo kết quả giám sát về tác động môi trường (Quý II/2022), cụ thể như sau:

### **1. Mục tiêu đợt giám sát:**

Công tác giám sát tác động môi trường (sử dụng hóa chất, thu gom chất thải nguy hại, đa dạng sinh học, xói mòn đất, xây dựng hành lang bảo vệ, chất lượng nguồn nước thải) đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định, hướng dẫn Công ty đã ban hành, tuân thủ thực hiện tốt theo đúng các quy định trong Bộ tiêu chuẩn VFCS.

### **2. Cán bộ giám sát:**

Ông: Nguyễn Thị Thuận Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Kỹ thuật

Ông: Trương Văn Nhanh Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Kỹ thuật

**3. Thời gian giám sát:** Tháng 04, 05 và 06/2022. **Địa điểm:** 04 Nông trường (Nông trường Trần Văn Lưu, Đoàn Văn Tiến, Bến Súc, Thanh An) và 03 nhà máy.

### **4. Nội dung giám sát:**

- Kiểm tra công tác sử dụng hóa chất, thu gom chất thải nguy hại, theo dõi tình hình động - thực vật, tình trạng xói mòn đất, quản lý xây dựng hành lang bảo vệ, kiểm soát chất lượng nguồn nước thải, đảm bảo thực hiện theo đúng Quy định, Hướng dẫn Công ty đã ban hành tại Nông trường và nhà máy.

### **5. Kết quả/phát hiện:**

Tổng diện tích tham gia chứng chỉ VFCS: 8.000 ha (Nông trường Trần Văn Lưu: 2.839,89 ha; Nông trường Đoàn Văn Tiến: 1.978,36 ha, Nông trường Bến Súc 788,10, Nông trường Thanh An: 2.393,65 ha).

ĐƠN VỊ	Khu vực CCR (ha)						
	KTCB	Kinh doanh	Thu hoạch gỗ 2022	Đất trồng và đất dự kiến Quy hoạch khác	Tái canh 2022	Diện tích loại trừ (DLO, HLVS, HLNN, HLDD)	Tổng
Bến Súc	383,58	370,36				34,16	788,10
Đoàn Văn Tiến	209,11	1.516,36		145,05		107,84	1.978,36
Thanh An	555,41	1.721,79				116,45	2.393,65
Trần Văn Lưu	960,82	1.606,38	125,20	27,83	125,20	119,66	2.839,89
<b>Tổng</b>	<b>2.108,92</b>	<b>5.214,89</b>	<b>125,20</b>	<b>172,88</b>	<b>125,20</b>	<b>378,11</b>	<b>8.000,00</b>



### 5.1. Giám sát thu gom chất thải nguy hại:

Nông trường và các Nhà máy thực hiện quản lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của Công ty (QĐMT06), 100% chất thải được thu gom và lưu trữ tại đơn vị. Khối lượng chất thải trong quý II/2022 cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)
<b>I</b>	<b>Nông trường Cao su</b>		
<b>1</b>	<b><i>Bến Súc</i></b>		
1.1	Bao bì thuốc BVTV không chứa chất halogen	14 01 05	142
<b>2</b>	<b><i>Đoàn Văn Tiến</i></b>		
2.1	Bao bì thuốc BVTV không chứa chất halogen	14 01 05	227
<b>3</b>	<b><i>Thanh An</i></b>		
3.1	Bao bì thuốc BVTV không chứa chất halogen	14 01 05	89,5
<b>4</b>	<b><i>Trần Văn Lưu</i></b>		
4.1	Bao bì thuốc BVTV không chứa chất halogen	14 01 05	90
<b>II</b>	<b>Nhà máy chế biến Cao su</b>		
<b>1</b>	<b><i>Nhà máy Bến Súc</i></b>		
1.1	Giẻ lau dính dầu nhớt	180201	80
1.2	Bóng đèn huỳnh quang	160106	6
1.3	Bao bì đựng hóa chất ( $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_5$ , Pepton, HNS...)	180101	44
1.4	Bao bì cứng thái bằng kim loại (phuy sắt 200L-220L)	180102	162
1.5	Dầu nhớt thải	170204	740
<b>2</b>	<b><i>Nhà máy Long Hòa</i></b>		
2.1	Giẻ lau dính dầu nhớt	180201	53
2.2	Bóng đèn huỳnh quang	160106	5
2.3	Bao bì đựng hóa chất ( $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_5$ , Pepton, HNS...)	180101	37,2
2.4	Dầu nhớt thải	170204	0
2.5	Bao bì cứng thái bằng kim loại (phuy sắt 200L-220L)	180102	36
<b>3</b>	<b><i>Nhà máy Phú Bình</i></b>		
3.1	Giẻ lau dính dầu nhớt	180201	132
3.2	Bóng đèn huỳnh Quang	160106	0
3.3	Dầu nhớt thải	170204	500
3.4	Bao bì đựng hóa chất ( $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_5$ , Pepton, HNS...)	180101	95,5



STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)
3.5	Bao bì cứng thải bằng kim loại (phuy sắt 200L-220L)	180102	54
3.6	Hóa chất hết hạn	190502	44
3.7	Vật liệu cách nhiệt Amiăng	110601	82
	<b>Tổng</b>		<b>2.619,2</b>

## 5.2. Giám sát đa dạng sinh học:

Trong Quý II, không có biến động về động vật và thực vật trong vườn cây của Nông trường Trần Văn Lưu, Đoàn Văn Tiến, Bến Súc và Thanh An.

Các Nông trường thực hiện tốt công tác bảo tồn sinh học (động vật, thực vật) tại vườn cây.

## 5.3. Giám sát xói mòn đất:

Trong Quý II, thời tiết nắng ráo, do đó không xảy ra hiện tượng xói mòn đất trên vườn cây, đảm bảo an toàn cho công nhân trong quá trình làm việc.

## 5.4. Giám sát xây dựng hành lang bảo vệ tại Nông trường:

Kiểm tra hiện trạng khu vực Hành lang ven suối tại Nông trường trong quá trình hoạt động sản xuất:

- Tuy vẫn còn dấu hiệu xói mòn tại các khu vực nhưng Nông trường đã tích cực thực hiện tốt công tác xây dựng hành lang bảo vệ:

- + Không có gia súc vào lô phá hoại;
- + Thảm phủ 2 bên hành lang ven suối được duy trì, bảo vệ;
- + Ý thức công nhân, người dân được nâng cao trong công tác xây dựng bảo vệ hành lang.

Hiện trạng hành lang ven suối tại các Nông trường, cụ thể như sau:

Nông trường	Khu vực HLVS, HLDB	Diện tích (ha)	Hiện trạng xói mòn, sạt lở	Ghi chú
Đoàn Văn Tiến	Mương giữa lô 27C	0,5	Còn khả năng xói mòn, thảm thực vật đạt yêu cầu	
Đoàn Văn Tiến	Đường giữa lô 29B	0,2	Bị xói mòn, thảm thực vật ít. Nông trường đã giăng dây cảnh báo nguy hiểm cho người dân	
Trần Văn Lưu	Lô 72D-73B	8,18	Còn khả năng xói mòn, thảm thực vật đạt yêu cầu	HLVS 1
Trần Văn Lưu	Lô 72D-73B	5,76	Còn khả năng xói mòn, thảm thực vật đạt yêu cầu	HLVS 2



## **5.6. Giám sát chất lượng nguồn nước thải:**

- Các Nông trường: nước thải phát sinh được thu gom vào hố thu nước thải và nạo vét khi đầy đúng theo quy định. Tuy nhiên, trong quý II vẫn còn Nông trường chưa thực hiện tốt việc xử lý hố thu nước thải, cụ thể:

+ Nông trường Thanh An, trạm giao nhận mù lô 69 – hố chứa nước thải bị lấp đất, trạm lô 77A thu nước thải (sau hệ thống gạn) đầy do mưa liên tiếp. Đề nghị Nông trường vệ sinh, nạo vét hố thu nước thải (sau hệ thống cống gạn) tại trạm. Kết quả: Đã khắc phục.

- Các nhà máy chế biến cao su: toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom triệt để về HTXLNT, các hệ thống hoạt động ổn định, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn xả thải môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Kết quả phân tích nước thải sau xử lý của Nhà máy cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều đạt quy chuẩn cho phép (QCVN 01-MT:2015/BTNMT, cột A).

## **6. Đánh giá:**

### **6.1. Ưu điểm:**

- Công tác sử dụng hóa chất, thu gom chất thải nguy hại, theo dõi tình hình đa dạng sinh học (động vật, thực vật), tình trạng xói mòn đất, quản lý xây dựng hành lang bảo vệ, kiểm soát chất lượng nguồn nước thải tại các Nông trường, nhà máy đều thực hiện đúng Quy định của Công ty, tuân thủ thực hiện tốt theo đúng các quy định trong Bộ tiêu chuẩn VFCS.

- Cán bộ nhân viên và công nhân đều được trang bị bảo hộ lao động trong quá trình làm việc.

### **6.2. Nhược điểm:**

- Tình trạng khắc phục xói mòn tại khu vực Hành lang ven suối cần có thời gian nên không thể thực hiện ngay trong một thời gian ngắn.

### **6.3. Đề xuất khắc phục:**

- Tiếp tục duy trì thăm thực vật 2 bên khu vực hành lang ven suối và thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang ven suối theo quy định.

- Tuyên truyền rộng rãi nhận thức về chức năng của khe suối và vai trò của hành lang bảo vệ đến toàn thể người dân trong vùng, với mục tiêu mọi người dân đều nâng cao ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước mà chính họ là người sử dụng; từ đó hộ dân tự nguyện tham gia bảo vệ, không tự ý chặt phá cây trong hành lang bảo vệ ven suối.

## **7. Phương hướng Quý III/2022**

- Trong quý III/2022, Công ty tiếp tục thực hiện, giám sát các công tác liên quan đến việc sử dụng hóa chất, thu gom chất thải nguy hại, bảo vệ nguồn nước, xói mòn, hành lang nguồn nước tại Nông trường.

Trên đây là kết quả giám sát tác động môi trường quý II/ năm 2022 của Công ty.

### **Nơi nhận:**

- Như trên:
- Lưu: KT.

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Thị Thuận**